TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 05/02/2026
"V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết Nga

Bà Nguyễn Thị Út

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký TAND Khu vực 1 - Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về *"Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 24 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2026/QĐST-KDTM, ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH Đ**

Địa chỉ: số D, đường số A, Khu dân cư H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ văn phòng: số D, đường số B, KDC H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Thùy L - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị Thùy L là:

- Chị Trần Lê Tuyết A - chức vụ: Nhân viên công ty (có mặt)

Địa chỉ: 59/23/4 T, khu phố C, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Nguyễn Thị Diễm M- chức vụ: nhân viên công ty (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: **Công ty TNHH MTV C**

Địa chỉ: A T, phường P, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Xuân Q, chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: Số G, đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Xuân Q là: Ông Trần Chính T, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, N, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2025 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Đ do chị Trần Lê Tuyết A và chị Nguyễn Thị Diễm M đại diện trình bày:

Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) là đơn vị kinh doanh mua bán phụ gia dùng trong chế biến thủy sản.

Ngày 02/01/2024, Công ty Đ có ký hợp đồng mua bán số: 03.03/VT-CT01/2024 với Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) nội dung như sau:

Công ty C đồng ý mua và Công ty Đ đồng ý bán bán phụ gia dùng trong chế biến thủy sản do Công ty Đ phân phối, chi tiết cung cấp các mặt phụ gia dùng trong chế biến thủy sản cho bên B gồm các mặt hàng:

- S(M1), Qui cách: 5kg/PE bag x 5bags/bao, Xuất xứ: Thailand;
- Seals 54(N), Qui cách: 5kg/PE bag x 5bags/bao, Xuất xứ: Thailand
- Nara 504 (N), Qui cách: 5kg/PE bag x 5bags/bao, Xuất xứ: Thailand
- Tên hàng hóa: N(Mix phosphate), Qui cách: 5kg/PE bag x 5bags/bao, Xuất xứ: Thailand
- Tên hàng hóa: N (Mix phosphate), Qui cách: 5kg/PE bag x 5bags/bao, Xuất xứ: Thailand
- Aqua99 (N), Qui cách: 1kg/PE bag x 25bags/bao, Xuất xứ: Thailand
- Vega, Qui cách: 4kg/PE bag x 5bags/bao, Xuất xứ: Thailand
- Chlorine dioxide, Qui cách: 20kg/can, Xuất xứ: Hàn quốc
- Blane V, Qui cách: 25kg/can, Xuất xứ: Thailand

Số lượng sẽ được xác định cụ thể theo từng đơn hàng thông qua E.

Giá cả: Giá cả từng loại hàng được hai bên thống nhất theo từng đơn hàng

Điều khoản thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
- Hạn mức công nợ 1.000.000.000 đồng (sau khi 2 bên đã ký hợp đồng)

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Đ đã giao hàng cho công ty C nhiều lần tổng số tiền công nợ là 21.122.861.200 đồng (có kèm hóa đơn giá trị gia tăng), công ty C đã trả 19.880.000.000 đồng, còn nợ lại 1.242.861.200 đồng. Đến ngày 11/01/2024 hai bên có làm biên bản đối chiếu công nợ nội dung: tính đến hết ngày 31/12/2023 Bên B (Công ty C) còn nợ Bên A (công ty Đ) số tiền: 1.242.861.200 đồng. Biên bản đối chiếu công nợ được ký xác nhận của Bà Đỗ

Thị Thu Y là đại diện Giám đốc Chi nhánh Công ty C và bà Ngô Thị Thùy L là Đại diện Giám đốc Công ty Đ.

Ngày 05/05/2025 Công ty Đ gửi đến Công ty C thư đề nghị thanh toán số 01/DNTTCN/2025/VT-CT với nội dung: đề nghị thanh toán công nợ 1.242.861.200 đồng. Tuy nhiên Công ty C không trả lời thư đề nghị thanh toán công nợ và cũng không thanh toán số tiền còn nợ. Đây là số tiền mà bên Công ty Đ đã bán hàng hóa và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty C và thời hạn thanh toán đã vượt quá hạn mức thanh toán công nợ là 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn giá trị gia tăng.

Bộ phận kế toán Công ty Đ đã nhiều lần liên lạc nhằm thông báo và hối thúc nhưng Công ty C không phản hồi, không có thiện chí trả nợ.

Nay Công ty TNHH Đ yêu cầu Công ty TNHH MTV C thanh toán tiền mua phụ gia dùng trong chế biến thủy sản cho Công ty TNHH Đ số tiền là 1.242.861.200 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại bản tự khai ngày 03/02/2026 bị đơn Công ty TNHH MTV C trình bày:

Công ty xác nhận có nợ nguyên đơn số tiền 949.956.800 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/8/2025. Do hiện công ty đang làm ăn thua lỗ không còn khả năng trả tiền ngay cho nguyên đơn được nên đề nghị trả dần cho nguyên đơn số tiền 949.956.800 đồng theo định kỳ hàng tháng 100.000.000 đồng tính từ tháng 3/2026 cho đến khi thanh toán hết dự kiến tháng 12/2026 trả hết tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 949.956.800 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu của bị đơn xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 100.000.000 đồng thì nguyên đơn không đồng ý do bị đơn đã hứa nhiều lần nhưng không thực hiện.

Đại diện bị đơn xin vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 117, 119, 398, 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ.

Buộc Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty TNHH Đ là 949.956.800 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH MTV C phải chịu số tiền 40.498.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán hàng hóa nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn Công ty TNHH MTV C có địa chỉ tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân Khu vực;

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH MTV C do ông Trần Chính T đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét, Ngày 02/01/2024 giữa Công ty Đ và công ty C có ký hợp đồng mua bán số: 03.03/VT-CT01/2024 nội dung hai bên thống nhất cam kết ký hợp đồng

nguyên tắc mua bán phụ gia dùng trong chế biến thủy sản gồm mặt hàng - xuất xứ theo hợp đồng; Giá cả: Giá cả từng loại hàng được hai bên thống nhất theo từng đơn hàng; Điều khoản thanh toán: Hình thức thanh toán: Chuyển khoản; Hạn mức công nợ 1.000.000.000 đồng (sau khi 2 bên đã ký hợp đồng).

Xét thấy, Hợp đồng nêu trên được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các bên, đảm bảo hình thức, nội dung và trình tự theo quy định pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Đ đã giao hàng cho công ty C nhiều lần tổng số tiền công nợ là 21.122.861.200 đồng (có kèm hóa đơn giá trị gia tăng), công ty C đã trả 19.880.000.000 đồng, còn nợ lại 1.242.861.200 đồng. Đến ngày 11/01/2024 hai bên có làm biên bản đối chiếu công nợ nội dung: tính đến hết ngày 31/12/2023 Bên B (Công ty C) còn nợ Bên A (công ty Đ) số tiền: 1.242.861.200 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày, sau đó bị đơn có trả tiền nên còn nợ lại số tiền 949.956.800 đồng. Ngày 11/8/2025 công ty Đ có gởi cho Công ty C biên bản đối chiếu công nợ xác nhận Công Ty C còn nợ công ty Đ số tiền 949.956.800 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ 949.956.800 đồng.

Tại bản tự khai ngày 03/02/2025 bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 949.956.800 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này.

Xét, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công Ty C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn công ty Đ số tiền nợ là 949.956.800 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Xét yêu cầu trả dần: Bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng số tiền nợ trên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty C phải chịu án phí là 40.498.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 117, 119, 398, 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ.

Buộc Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Đ số tiền nợ là 949.956.800 đồng (chín trăm bốn mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH MTV C phải chịu 40.498.000 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.643.000 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004039 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKS KV1: 02;
- Phòng THADS KV 1-Vĩnh Long: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết